

**ĐỔI MỚI QUAN ĐIỂM VỀ  
VAI TRÒ VÀ HIỆU QUẢ CỦA  
TẬP ĐOÀN KINH TẾ NHÀ NƯỚC TRONG  
THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG**

## MỤC LỤC

<b>1. Vai trò và vị trí của tập đoàn kinh tế nhà nước trong các chủ trương, định hướng của Đảng và chính sách nhà nước .....</b>	<b>2</b>
<b>2. Bối cảnh thúc đẩy đổi mới nhận thức về vai trò và hiệu quả tập đoàn kinh tế nhà nước.....</b>	<b>6</b>
<b>3. Quan điểm về vai trò của tập đoàn kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam .....</b>	<b>9</b>
<i>3.1. Quan điểm chung về đổi mới vai trò của tập đoàn kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.....</i>	<i>9</i>
<i>3.2. Vai trò của tập đoàn kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam .....</i>	<i>10</i>
<b>4. Đổi mới quan điểm về hiệu quả và nâng cao hiệu quả hoạt động của tập đoàn kinh tế nhà nước .....</b>	<b>13</b>
<i>4.1. Quan điểm về hiệu quả hoạt động của tập đoàn kinh tế nhà nước .....</i>	<i>13</i>
<i>4.2. Quan điểm về nâng cao hiệu quả hoạt động của tập đoàn kinh tế nhà nước.....</i>	<i>15</i>

## **1. Vai trò và vị trí của tập đoàn kinh tế nhà nước trong các chủ trương, định hướng của Đảng và chính sách nhà nước**

Có thể thấy rằng việc phát triển TĐKTNN được khởi đầu từ chủ trương sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN thể hiện trong nhiều văn kiện của Đảng và nhà nước. Từ đây các hình thức sơ khai, đầu tiên của TĐKTNN được xuất hiện giữa những năm 1990 và các TĐKTNN thí điểm thành lập vào giữa những năm 2000.

Đại hội Đảng lần thứ VII (năm 1991) đã đưa ra yêu cầu *“Sắp xếp lại các liên hiệp xí nghiệp phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường ... xây dựng một số công ty hoặc liên hiệp xí nghiệp lớn, có uy tín và khả năng cạnh tranh trong quan hệ kinh tế với nước ngoài”*.

Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khoá VII) của Đảng nêu rõ hơn *“Nhà nước hỗ trợ, khuyến khích và thực hiện từng bước vững chắc, phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế, việc đổi mới các liên hiệp xí nghiệp,... theo hướng tổ chức các tập đoàn kinh doanh, khắc phục tính chất hành chính trung gian...”*.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ bảy (khoá VII) khẳng định *“Hình thành một số tổ chức kinh tế lớn với mục đích tích tụ, tập trung cao về vốn, đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới”*.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) đã xác định nhiệm vụ *“Tổng kết mô hình tổng công ty nhà nước, trên cơ sở đó có phương án xây dựng các tổng công ty thực sự trở thành những tập đoàn kinh tế mạnh, có hiệu quả và sức cạnh tranh cao, thực sự là xương sống của nền kinh tế...”*<sup>1</sup>.

Mặc dù chưa trực tiếp nêu ra khái niệm về TĐKTNN, nhưng chủ trương của Đại hội VII và một số nghị quyết của Hội nghị Trung ương (nhiệm kỳ VII) đã nhắm tới mục tiêu tạo ra doanh nghiệp có qui mô lớn dưới hình thức là công ty hay liên hiệp xí nghiệp - một hình thức có các nhân tố gần tương tự như nhóm công ty được gọi là TĐKTNN hiện nay.

---

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 71.

Xuất phát từ chủ trương của Đại hội Đảng lần thứ VII, Chính phủ đã triển khai chính sách thí điểm thành lập tập đoàn kinh doanh, mở đầu bằng Quyết định 91/TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành năm 1994. Vào giữa những năm 1990 đã có 18 TCT theo hướng TĐKT được thành lập, được gọi tắt là các TCT 91. Đó là các TCT: Điện lực, Dầu khí, Than, Bưu chính viễn thông, Dệt may, Công nghiệp tàu thuỷ, Hàng không, Hàng hải, Xi măng, hoá chất, Thép, Giấy, Thuốc lá, Cà phê, Cao su, Lương thực Miền Bắc, Lương thực Miền Nam, Vàng bạc đá quý<sup>2</sup>.

Các TCT theo hướng TĐKT là tổ hợp của các doanh nghiệp hạch toán độc lập được tập hợp, ghép nối lại để có qui mô lớn hơn về vốn (từ 1000 tỷ đồng trở lên) và về số lượng doanh nghiệp (7 doanh nghiệp thành viên trở lên) để thoả mãn tiêu chí theo Quyết định 91/TTg. Đây là hình thức sơ khai của TĐKTNN tổ chức theo ngành<sup>3</sup>, là các TĐKTNN sơ khai theo ngành. Các TĐKTNN sơ khai này được nhà nước thành lập để thực hiện vai trò nắm giữ và chi phối những vị trí, những ngành quan trọng của nền kinh tế, với kỳ vọng bảo đảm những yêu cầu cần thiết cho thị trường trong nước và mở rộng quan hệ kinh doanh ra nước ngoài. Trên thực tế, trong những năm 1990, các TCT 91 hay TĐKTNN sơ khai theo ngành này không chỉ chi phối các ngành chủ lực mà còn chi phối phần lớn nền kinh tế. Bên cạnh đó, do do cổ phần hoá, liên doanh, liên kết chưa phát triển nên các TCT 91 đều mang đặc tính thuần khiết sở hữu nhà nước, chưa có sự tham gia của các thành phần kinh tế khác. Trước thực tế đó và để đẩy mạnh cải cách DNNN và phát triển kinh tế tư nhân, Đại hội Đảng IX đã chủ trương “*xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh trên cơ sở các tổng công ty nhà nước, có sự tham gia của các thành phần kinh tế*”<sup>4</sup>. Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) đã ra Nghị quyết chuyên biệt về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN, trong đó nội dung về TĐKTNN và tổng công ty nhà nước là một trong 5 nhóm giải pháp lớn của nghị quyết này<sup>5</sup>.

Cần nhấn mạnh rằng, việc thành lập các TĐKTNN thí điểm, trong đó có một số TĐKTNN đang tiếp tục hoạt động hiện nay, được bắt đầu từ chủ trương của Đại

---

□ Sau đó, TCT Vàng bạc đá quý được đưa ra khỏi danh sách này và thay thế bằng TCT Đường sắt

<sup>3</sup> Kể cả trong ngành lương thực, dù có 2 TCT là TCT Lương thực Miền Bắc và TCT Lương thực Miền Nam, nhưng cả 2 TCT này đều nhằm khống chế đối với ngành lương thực.

<sup>4</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 644

<sup>5</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

hội Đảng IX, đặc biệt được cụ thể hoá và thúc đẩy bởi Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX): “Hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh trên cơ sở các tổng công ty nhà nước, có sự tham gia của các thành phần kinh tế, kinh doanh đa ngành, trong đó có ngành kinh doanh chính chuyên môn hoá cao và giữ vai trò chi phối lớn trong nền kinh tế quốc dân, có qui mô rất lớn về vốn,... thí điểm hình thành một số tập đoàn kinh tế trong một số lĩnh vực có điều kiện, có thế mạnh, có khả năng phát triển để cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả”. Bắt đầu từ đây đã có 12 TĐKTNN được thí điểm thành lập, trong đó có 11 TĐKTNN do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập<sup>6</sup> và một tập đoàn kinh tế<sup>7</sup> được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án cổ phần hoá và thí điểm thành lập tập đoàn kinh tế và uỷ quyền cho Bộ Tài chính thành lập công ty mẹ.

Từ những tổng quan trên đây có thể nhận thấy vai trò của TĐKTNN trong chủ trương, định hướng và chính sách của Đảng và Nhà nước có các đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, TĐKTNN được hướng tới có qui mô lớn hơn TCT nhà nước thể hiện ở số vốn, ở số lao động, ở doanh thu, ở số lượng doanh nghiệp thành viên, lĩnh vực kinh doanh rộng, kinh doanh đa ngành, phạm vi kinh doanh không chỉ ở trong nước.

Thứ hai, TĐKTNN có sức cạnh tranh cao hơn, trở thành TĐKT mạnh trong khu vực.

Thứ ba, TĐKTNN có tiềm lực lớn, dẫn dắt lôi kéo các thành phần kinh tế khác.

Thứ tư, TĐKTNN có nguồn lực và điều kiện đầu tư phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, v.v.

Nghĩa là, vai trò của TĐKTNN được ấn dấu trong rất nhiều đặc điểm như vừa nêu trên. Hay nói cách khác, trong nhiều đặc điểm trên có sự đan xen giữa mong muốn, kỳ vọng của Đảng và Nhà nước và vai trò có thể hướng tới và đạt được của TĐKTNN. Trong đó, đặc điểm, đặc tính cần hướng tới, cần đạt được của TĐKTNN thể hiện rõ hơn là vai trò của TĐKTNN.

---

<sup>6</sup> gồm Tập đoàn Bưu chính viễn thông, Tập đoàn Than-Khoáng sản, Tập đoàn Dệt may, Tập đoàn Điện lực, Tập đoàn Công nghiệp tàu thuỷ, Tập đoàn Dầu khí, Tập đoàn Cao su, Tập đoàn Viễn thông quân đội, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam và Tập đoàn Công nghiệp xây dựng Việt Nam

<sup>7</sup> Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt

Tuy nhiên, cũng không khó để nhận ra rằng không phải tất cả những mong muốn, kỳ vọng được xem như là vai trò được giao cho TĐKTNN. Trong đó có những mong muốn, kỳ vọng thể hiện là mục tiêu của chủ sở hữu nhà nước đề ra cho TĐKTNN. Có những mong muốn, kỳ vọng không phải là mục tiêu mà thuần túy chỉ như là mong muốn, kỳ vọng để TĐKTNN hướng tới, để có những đặc điểm như vậy. Trên thực tế, trong các văn kiện của Đảng và văn bản pháp luật, chính sách của nhà nước cũng không nhận thấy có sự khẳng định rõ ràng, chính thức về vai trò hoặc xứ mệnh của TĐKTNN.

Điểm nổi bật nhất trong các mong muốn, kỳ vọng về những đặc điểm cần hướng tới, cần có của TĐKTNN trong các văn kiện của Đảng và văn bản pháp luật, chính sách của nhà nước, là làm nòng cốt và nắm giữ vị trí trụ cột của DNNN để chi phối các ngành kinh tế trọng yếu của đất nước và chi phối các thành phần kinh tế khác, khu vực kinh tế khác. Nói khác đi, trong các văn kiện của Đảng và chính sách của nhà nước thể hiện khá nhiều các đặc tính, đặc điểm mang tính mục tiêu hoặc có tính mong muốn, kỳ vọng về TĐKTNN, nhưng vai trò của TĐKTNN chỉ thể hiện ở một số đặc điểm sau đây. *Thứ nhất*, TĐKTNN cùng với TCTNN là nòng cốt, là trụ cột của DNNN, có vai trò nắm giữ, chi phối các ngành kinh tế trọng yếu của đất nước. Có nghĩa là, không chỉ có TĐKTNN mà cả TCTNN luôn là 2 loại nhóm công ty đi liền nhau hợp thành một lực lượng chủ lực trong khối DNNN. Điều đó có nghĩa là 2 loại nhóm công ty này có những đặc điểm gần tương tự nhau ngoại trừ về tên gọi là khác nhau. *Thứ hai*, TĐKTNN (cùng với TCTNN) là trung tâm, là nòng cốt của DNNN có vai trò dẫn dắt lôi kéo các thành phần kinh tế khác. Tuy nhiên, đây không phải là đặc điểm chính thể hiện vai trò của TĐKTNN.

Có thể nhận thấy vai trò của TĐKTNN trong các văn kiện của Đảng và chính sách của nhà nước không đứng yên mà là một quá trình chuyển động về nhận thức và phát triển về chủ trương. Vai trò nắm giữ, chi phối các ngành kinh tế trọng yếu của đất nước từ chỗ bao gồm 17 ngành của 18 TCT nhà nước theo hướng TĐKT khi thí điểm TĐKT sơ khai (theo Quyết định 91/TTg), đã thu hẹp thành 12 ngành<sup>8</sup> (theo Đại hội IX và Hội nghị Trung ương ba khoá IX), và thành 9 ngành<sup>9</sup> (Hội nghị Trung ương ba khoá XI). Đây vừa là hệ quả việc thể hiện vai trò của TĐKTNN

---

<sup>8</sup> Viễn thông, than-Khoáng sản, dệt may, điện lực, công nghiệp tàu thủy, dầu khí, cao su, hóa chất, xây dựng công nghiệp, xây dựng dân dụng, bảo hiểm, xăng dầu

<sup>9</sup> Viễn thông, than-Khoáng sản, dệt may, điện lực, dầu khí, cao su, hóa chất, bảo hiểm, xăng dầu

chưa thật sự rõ ràng, vừa là sự chuyển biến về nhận thức và chủ trương. Theo đó, từ Đại hội Đảng X đã chủ trương DNNN (trong đó có TĐKTNN và TCTNN) chỉ tập trung vào một số lĩnh vực kết cấu hạ tầng, sản xuất tư liệu sản xuất, dịch vụ quan trọng và một số lĩnh vực công ích. Thậm chí sau thất bại của một số TĐKTNN như Tập đoàn công nghiệp tàu thủy Vinashin, Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam và Tập đoàn Công nghiệp xây dựng Việt Nam do thua lỗ, mất vốn nhà nước còn có những nghi ngại về vai trò của TĐKTNN. Thực trạng này cho thấy cần tiếp tục xác định rõ vai trò của TĐKTNN trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường.

## **2. Bối cảnh thúc đẩy đổi mới nhận thức về vai trò và hiệu quả tập đoàn kinh tế nhà nước**

Việc xác định vai trò và đánh giá hiệu quả của TĐKTNN ở nước ta cần đặt trong bối cảnh mới của nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

Kinh tế thị trường, theo C. Mác, là một giai đoạn phát triển tất yếu của lịch sử mà bất cứ nền kinh tế nào cũng phải trải qua để đạt tới nấc thang cao hơn trên con đường phát triển. Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ.

Kinh tế thị trường bao hàm những yếu tố chủ yếu và cơ bản, hay nói khác đi, để nền kinh tế thị trường vận hành đồng bộ và theo đặc điểm vốn có của nó thì cần có các điều kiện cơ bản sau đây:

*Thứ nhất, có sự tồn tại của các chủ thể kinh tế độc lập.* Nền kinh tế thị trường đòi hỏi sự tồn tại của các chủ thể kinh tế độc lập là các doanh nghiệp dưới nhiều hình thức sở hữu khác nhau, trong đó sở hữu tư nhân là thành tố tất yếu, bắt buộc. Các chủ thể kinh tế này dựa trên những tín hiệu thị trường để tự quyết định sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai, tự chịu trách nhiệm về quyết định sản xuất kinh doanh của mình.

*Thứ hai, có sự hiện diện và vận hành đồng bộ của các loại thị trường,* bao gồm thị trường yếu tố sản xuất (thị trường đầu vào) và thị trường hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng (thị trường đầu ra). Để các thị trường này vận hành bình thường đòi hỏi phải đảm bảo các nguyên tắc cơ bản của thị trường được thực hiện đầy đủ, các chủ thể kinh tế phải độc lập, mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp là tối đa hoá lợi nhuận, cơ chế phân bổ nguồn lực do các lực lượng thị trường quyết định là chính,

cạnh tranh tự do, hoạt động kinh doanh của các chủ thể kinh tế phải được bảo đảm và bảo vệ bằng pháp luật bao gồm pháp luật về quyền sở hữu, về cạnh tranh, chống độc quyền, chống bán phá giá...

*Thứ ba, giá cả được thiết lập dựa trên quan hệ cung – cầu của thị trường.* Trong nền kinh tế thị trường, mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận là động lực chủ yếu thúc đẩy nỗ lực hoạt động và hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Để phục vụ mục tiêu đó, giá cả phải được thiết lập khách quan trên cơ sở quan hệ cung – cầu.

*Thứ tư, cạnh tranh tự do là cơ chế vận hành cơ bản của kinh tế thị trường.* Không có cạnh tranh tự do, không thể nói đến kinh tế thị trường. Cạnh tranh là cơ chế chủ yếu phân bổ các nguồn lực trong nền kinh tế thị trường. Thông qua cạnh tranh, nguồn lực được chuyển từ những ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp kém hiệu quả đến những ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp có hiệu quả cao hơn, có lợi thế phát triển hơn.

*Thứ năm, có vai trò điều tiết của nhà nước nhằm khắc phục những khuyết tật của thị trường* như khủng hoảng, đói nghèo, công bằng xã hội, môi trường, v.v. Để bảo đảm vai trò đó, nhà nước thực hiện các nhiệm vụ: (i) Bảo đảm khung khổ pháp lý rõ ràng, nghiêm minh, có hiệu lực, phù hợp với đòi hỏi của cơ chế thị trường; (ii) Kiến tạo và bảo đảm môi trường vĩ mô ổn định, khuyến khích kinh doanh; (iii) Bảo đảm kết cấu hạ tầng "cứng" gồm giao thông vận tải, cung cấp điện nước, v.v. và hạ tầng "mềm" gồm dịch vụ thông tin, bưu chính - viễn thông, tài chính, các dịch vụ và hàng hoá công cộng (chăm sóc sức khỏe, giáo dục - đào tạo, bảo vệ môi trường, v.v.). (iv) Hỗ trợ nhóm người nghèo các điều kiện tối thiểu để tham gia thị trường bình đẳng.

Nhìn vào thực tế phát triển kinh tế thị trường ở nước ta cho đến nay có thể nhận thấy các nhân tố tạo lập, thúc đẩy nền kinh tế thị trường ở Việt Nam đang được hình thành, có những chuyển biến theo thời gian, nhưng vẫn chưa đồng bộ và chưa được vận hành thông suốt.

*Thứ nhất, các chủ thể kinh tế tham gia thị trường ngày càng đông đảo về số lượng, đa dạng về hình thức pháp lý và về hình thức sở hữu.* Tính đến hết quý I năm 2014 cả nước có trên 3 nghìn DNNN, gần 9 nghìn DN có vốn đầu tư nước



ngoài và 789 nghìn DN ngoài nhà nước đăng ký thành lập<sup>10</sup>. Các DN thuộc sở hữu tư nhân, sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài hay do tư nhân, do nhà đầu tư nước ngoài chi phối vốn điều lệ được bảo đảm về tính độc lập về chủ thể kinh tế trên thị trường. Tuy nhiên, các DN 100% vốn nhà nước hay do nhà nước nắm giữ tỷ lệ chi phối vốn điều lệ, bao gồm cả TĐKTNN, mặc dù đều có các hình thức pháp lý (là công ty TNHH hay công ty cổ phần) tương tự như DN tư nhân, DN có vốn đầu tư nước ngoài nhưng chưa được bảo đảm là chủ thể kinh tế độc lập như DN tư nhân, DN có vốn đầu tư nước ngoài. Các DN thuộc cấu trúc của các TĐKTNN cũng ở trong tình trạng tương tự. Nhà nước vẫn giữ quyền chi phối, kiểm soát các vấn đề quan trọng đối với các DN này như nhân sự chủ chốt (chủ tịch, thành viên hội đồng thành viên, tổng giám đốc...), chiến lược, kế hoạch kinh doanh dài hạn (5 năm), ngành nghề kinh doanh, danh mục đầu tư, các dự án lớn.

*Thứ hai*, giá cả các hàng hoá, dịch vụ là đầu vào và đầu ra của các DN về cơ bản đã được thiết lập dựa trên quan hệ cung – cầu của thị trường. Tuy vậy, một số giá hàng hoá, dịch vụ là đầu vào và đầu ra của một số TĐKT vẫn còn dưới sự kiểm soát, điều tiết của nhà nước như giá điện, xăng, dầu, nước hoặc sử dụng làm công cụ điều tiết thị trường, chống lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô như giá điện, giá than, giá xăng dầu. Thực trạng này làm cản trở vai trò kinh doanh theo đuổi mục tiêu vì lợi nhuận của TĐKT.

*Thứ ba*, trong nhiều năm gần đây môi trường kinh doanh của các DN đã dần được cải thiện, khung khổ pháp lý cho cạnh tranh trong kinh doanh đã được thiết lập, cạnh tranh trong kinh doanh đã tăng lên. Cụ thể, Luật Cạnh tranh được ban hành năm 2004. Môi trường kinh doanh của Việt Nam, theo Báo cáo thường niên về xếp hạng môi trường kinh doanh của Ngân hàng thế giới, năm 2013 đứng thứ 99 trên 185 quốc gia, năm 2014 xếp hạng 78 trên 189 nước. Tuy nhiên, do tập hợp, sáp nhập, hợp nhất lại từ các DN lớn, nên TĐKT giữ vị trí thống lĩnh hoặc độc quyền trong nhiều ngành, lĩnh vực như điện, dầu khí, viễn thông, khai thác than và khoáng sản. Sự độc quyền này đi kèm với hiệu quả không cao của TĐKT gây cản trở phân bổ, dịch chuyển nguồn lực sang ngành, lĩnh vực, DN, TĐKT khác có hiệu quả cao hơn.

---

<sup>10</sup> Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2014), Báo cáo tình hình và kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp, Tài liệu Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp năm 2014, Hà Nội ngày 28 tháng 4 năm 2014.

*Thứ tư*, tính đặc thù của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã định hướng TĐKT với hai bộ phận khác nhau về tính chất sở hữu là TĐKTNN và TĐKT tư nhân đến với hai vai trò cũng khá khác biệt. TĐKTNN được hướng vào thực hiện vai trò là công cụ điều tiết của nhà nước, đồng thời vừa là chủ thể kinh doanh chính trên thị trường. Với 2 vai trò vừa kinh doanh vừa thực hiện chính sách nhà nước, TĐKTNN thực hiện nhiều mục tiêu, không tập trung vào mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận. Hệ quả là, hiệu quả kinh doanh của TĐKTNN thấp. Trong khi đó nhận thức và đánh giá về hiệu quả của TĐKTNN thường rất rộng, chưa rõ ràng, lẫn sang kết quả kinh doanh; hiệu quả kinh tế đan xen hiệu quả xã hội. Nhìn nhận hiệu quả kinh doanh thường được gộp cả 2 vai trò quản lý nhà nước và quản lý của chủ sở hữu mà không tách bạch giữa 2 chủ thể này. Trong khi đó, không giống như TĐKTNN, TĐKT tư nhân được tự chủ thành lập, phát triển nhờ chính sách phát triển kinh tế tư nhân và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và cải thiện thể chế và pháp luật. Vai trò chính của TĐKT tư nhân là kinh doanh vì lợi nhuận, đáp ứng lợi ích của chủ sở hữu – nhà đầu tư tư nhân.

Thực trạng trên do nhiều nguyên nhân, nhưng một phần quan trọng xuất phát từ những định hướng chưa phù hợp về vai trò TĐKT và thực tế sử dụng vai trò TĐKT (nhất là TĐKTNN) trong nền kinh tế. Nghĩa là, do vẫn sử dụng vai trò cũ của các tổng công ty nhà nước (chỉ thích hợp trong nền kinh tế kế hoạch tập trung trước đây) để định hướng, áp dụng cho vai trò TĐKTNN trong nền kinh tế đang chuyển sang thị trường nên đang làm cản trở, níu kéo sự phát triển của các TĐKT và của nền kinh tế thị trường ở nước ta.

Như vậy, có thể thấy điểm nghẽn cần tháo gỡ là ở quan điểm về vai trò của TĐKT. Vì vậy, cần đổi mới quan điểm về vai trò của TĐKT, trên cơ sở đó tìm kiếm các biện pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của TĐKT.

### **3. Quan điểm về vai trò của tập đoàn kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam**

#### ***3.1. Quan điểm chung về đổi mới vai trò của tập đoàn kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam***

Đổi mới quan điểm về vai trò của TĐKT, trước hết cần bắt đầu từ xem xét, xác định vai trò mới của TĐKT nói chung trong nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó, phần không kém phần quan trọng, là tính đến đặc thù về tính chất sở hữu của

TĐKT để đổi mới vai trò của TĐKTNN trong giai đoạn chuyển tiếp và trong dài hạn. Đối với TĐKTNN, cần điều chỉnh và định hình lại vai trò của TĐKTNN để định hướng lại mục tiêu hoạt động của TĐKTNN.

Về cách tiếp cận, việc nhìn nhận vai trò đổi mới của TĐKT cần từ 2 góc độ: từ quan điểm của chủ sở hữu của TĐKT và từ góc độ nhà nước quản lý nền kinh tế, sử dụng TĐKT để phát triển nền kinh tế nói chung. Việc tách thành 2 góc nhìn về vai trò của TĐKT là cần thiết để thấy được lợi ích riêng, nhiều khi không trùng nhau, thậm chí là khác biệt của nhà nước quản lý chung nền kinh tế trong nền kinh tế thị trường và của chủ sở hữu TĐKT. Đây là cách tiếp cận cần thiết để thấy được động lực phát triển TĐKT thường gắn chặt với lợi ích của chủ sở hữu các tập đoàn này. Từ đó tạo ra động lực cho TĐKT, nhất là đối với TĐKTNN, để hướng vào hoạt động đúng mục tiêu, đúng vai trò.

### ***3.2. Vai trò của tập đoàn kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam***

*Thứ nhất, nhìn từ góc độ của chủ sở hữu, trên quan điểm, lợi ích của chủ sở hữu TĐKT nói chung, bất kể là chủ sở TĐKT tư nhân hay TĐKTNN, vai trò của TĐKTNN thể hiện ở 2 điểm cơ bản sau:*

- Một là, vai trò của TĐKTNN cũng như của TĐKT nói chung trong nền kinh tế thị trường là khai thác các lợi thế của nhóm các công ty hay tổ hợp các công ty bao gồm lợi thế kinh tế nhờ qui mô, lợi thế kinh tế nhờ đa dạng hoá, lợi thế độc quyền, lợi thế chuyển giá. Vì thế, vai trò của TĐKT nói chung là ở việc tập trung các nỗ lực trong tập hợp, liên kết, tạo lập nguồn lực để khai thác chủ yếu đối với 2 loại lợi thế là lợi thế kinh tế nhờ qui mô và lợi thế kinh tế nhờ đa dạng hoá. Ngoài ra, trong nền kinh tế thị trường đầy cạnh tranh làm động lực, TĐKT nói chung luôn có xu hướng tận dụng các lợi thế khác như lợi thế độc quyền để tìm kiếm siêu lợi nhuận (lợi nhuận độc quyền), lợi thế từ việc chuyển giá... Đây là các lợi thế được tận dụng cho mục đích tự thân của TĐKT. Các TĐKT hay nhóm công ty khi tập hợp lại đều có xu hướng tận dụng các lợi thế này.

TĐKT có vai trò này, về thực chất, đó là TĐKT thể hiện vai trò của mình trong kinh tế thị trường - thực hiện chức năng kinh doanh, sử dụng mọi lợi thế, trong đó có lợi thế của TĐKT (lợi thế kinh tế nhờ qui mô, nhờ đa dạng hoá, lợi thế độc quyền, lợi thế chuyển giá...) để tìm kiếm lợi nhuận, kinh doanh vì lợi nhuận.

Vai trò này của TĐKT, dù là TĐKTNN hay TĐKT tư nhân, cần được nhận diện rõ, được ghi nhận và khuyến khích từ góc nhìn của chủ sở hữu trong kinh tế thị trường, vì đó là bản chất và là chức năng của TĐKT. Tuy nhiên, nhìn từ lợi ích quản lý nhà nước (nhằm điều tiết kinh tế, kiểm soát độc quyền trong kinh doanh, chống chuyển giá...) thì không phải mọi lợi ích của TĐKT được tận dụng từ các lợi thế của nhóm các công ty, từ độc quyền, chuyển giá cũng được hoan nghênh mà thậm chí còn bị kiểm soát, điều chỉnh.

- Hai là, vai trò của TĐKT nói chung là hoạt động kinh doanh vì lợi nhuận, hướng vào mục tiêu kinh tế, đảm bảo lợi ích của chủ sở hữu và các bên có liên quan.

Vai trò này của TĐKT cũng xuất phát từ lợi ích của chủ sở hữu và lợi ích của các bên có liên quan. Vai trò này phù hợp mục tiêu phát triển kinh tế thị trường và cũng là phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế thị trường. Nó không mâu thuẫn và không tạo ra các cản trở đối với thể chế kinh tế thị trường như giai đoạn vừa qua, khi vai trò của TCT nhà nước trong kinh tế kế hoạch hoá tập trung được chuyển đổi thành vai trò của TĐKTNN trong kinh tế thị trường.

Một khi xác định vai trò hay chức năng của TĐKT là kinh doanh vì lợi nhuận, cả TĐKT, chủ sở hữu của TĐKT và nhà nước đều buộc phải thay đổi cách tiếp cận đối với các hoạt động của TĐKT. TĐKT sẽ phải tập trung các nỗ lực cho cạnh tranh, năng lực cạnh tranh của TĐKT sẽ có cơ hội tăng lên. Các hoạt động phi kinh doanh phải cắt giảm. Nhà nước không còn tùy tiện sử dụng cơ chế phi kinh doanh áp dụng đối với TĐKT, mà buộc chuyển từ cơ chế giao nhiệm vụ sang áp dụng cơ chế đấu thầu, đặt hàng đối với hoạt động phi kinh doanh, hoạt động công ích. TĐKT tập trung vào hoạt động kinh doanh vì lợi nhuận sẽ giúp hướng vào lợi ích của chủ sở hữu là hiệu quả kinh tế – tức là, đạt kết quả cuối cùng (lợi nhuận) tối đa hay mức tỷ suất lợi nhuận trên chi phí tối đa.

*Thứ hai, nhìn từ góc độ nhà nước quản lý nền kinh tế nói chung, sử dụng các doanh nghiệp, kể cả TĐKTNN và TĐKT tư nhân cho mục tiêu phát triển nền kinh tế nói chung, thì vai trò của TĐKTNN thể hiện ở các điểm sau:*

- Một là, các TĐKTNN phát triển lành mạnh, có hiệu quả (kể cả TĐKT tư nhân) được khuyến khích và hướng tới giữ vai trò là đầu tàu của nền kinh tế, thúc đẩy phát triển và tạo ra các ngành kinh tế chủ lực, nâng cao sức mạnh kinh tế quốc

gia, điều chỉnh cơ cấu kinh tế, là lực lượng quan trọng tiếp nhận, phát triển và áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất ở qui mô lớn và phạm vi rộng.

Kinh nghiệm của một số nước cho thấy các TĐKT nằm trong top 500 DN lớn nhất theo xếp hạng của Fortune luôn chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế. Tổng doanh thu của 500 TĐKT lớn nhất thế giới năm 2011 chiếm tỷ trọng khoảng 59% GDP toàn cầu. Tỷ trọng này của các TĐKT thuộc top 500 DN lớn nhất (theo xếp hạng của Fortune) của 2 nền kinh tế lớn nhất thế giới là Mỹ và Trung Quốc lần lượt là 56% và 55% GDP, và của các nền kinh tế phát triển khác là Pháp, Anh, Hàn Quốc, Nhật, Đức tương ứng là 78%, 64%, 63%, 62%, 61% GDP. Điều đó cho thấy, thực tế ở một số nước phát triển, các TĐKT lớn (kể cả là tư nhân và nhà nước) thực sự nắm giữ vai trò dẫn dắt, làm đầu tàu, tạo sức mạnh kinh tế quốc gia đối với các nền kinh tế này.

Ở Việt Nam, về chủ trương, chỉ có TĐKTNN được giao nắm giữ nhiều vai trò quan trọng, nhưng trên thực tế, TĐKTNN chưa thể hiện vai trò dẫn dắt, làm đầu tàu đối với nền kinh tế hoặc giữ vai trò tiên phong và quan trọng đối với quá trình đổi mới khoa học và công nghệ. TĐKTNN còn các tồn tại như “chưa làm tốt vai trò đầu tàu trong phát triển kinh tế, xã hội của đất nước”, và “trình độ công nghệ của các TĐKT... so với mặt bằng chung của thế giới vẫn ở mức thấp, việc đổi mới còn chậm, làm ảnh hưởng không nhỏ tới việc nâng cao năng lực cạnh tranh và tính chủ động của các TĐKT trong cơ chế thị trường”<sup>11</sup>.

Vì thế, vai trò là đầu tàu của nền kinh tế, thúc đẩy phát triển và tạo ra các ngành kinh tế chủ lực, nâng cao sức mạnh kinh tế quốc gia, điều chỉnh cơ cấu kinh tế, tiếp nhận, phát triển và áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất của các TĐKT ở nước ta là vai trò tiềm năng, vai trò kỳ vọng. Để biến vai trò này thành hiện thực các TĐKTNN cần tái cơ cấu và thực hiện các điều kiện cho tái cơ cấu.

- Hai là, TĐKT là công cụ hỗ trợ cùng với công cụ chính sách khác của nhà nước sử dụng trong bối cảnh khắc phục các thất bại của thị trường. Tuy nhiên, nhà nước chỉ nên sử dụng có giới hạn (về thời gian và mức độ) vai trò này, sử dụng

---

<sup>11</sup> Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp (2011), “Báo cáo về việc thí điểm hình thành các TĐKT nhà nước”, Hội nghị sơ kết mô hình TĐKT của Văn phòng Chính phủ, tháng 12/ 2011

một cách minh bạch, được thể chế hoá, theo lộ trình giảm dần và tiến tới loại bỏ cùng với quá trình phát triển và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường.

Do tính chất sở hữu công của loại doanh nghiệp này nên TĐKTNN cũng như DNNN thường có vai trò là công cụ của nhà nước, được nhà nước sử dụng để khắc phục các thất bại của thị trường, như trong các trường hợp khủng hoảng kinh tế, bất ổn kinh tế, thị trường chưa phát triển.... Thực tế hiện nay, vai trò này thường bị lạm dụng để áp dụng đối với TĐKTNN gây nên tình trạng méo mó của thị trường, bất bình đẳng giữa TĐKTNN và TĐKT tư nhân (hoặc là TĐKTNN có lợi thế hơn do vị thế độc quyền; hoặc TĐKTNN bị thiệt thòi hơn các doanh nghiệp khác vì không được nhà nước bù đắp chi phí cho việc thực hiện các hoạt động chính sách điều tiết vĩ mô, bình ổn thị trường, chính sách công ích). Vì thế, cần sử dụng vai trò này của TĐKT theo lộ trình giảm dần và tiến tới loại bỏ vai trò này cùng với quá trình phát triển và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường. Phải làm rõ hơn và sâu hơn về phạm vi sử dụng TĐKT làm công cụ điều tiết vĩ mô; về mức độ sử dụng, thời điểm sử dụng, bối cảnh được sử dụng; sự tương tác giữa công cụ này với các công cụ của cơ chế thị trường; chứng minh được lợi ích đánh đổi cho sử dụng TĐKT làm công cụ điều tiết vĩ mô và sử dụng các công cụ vĩ mô khác (như chính sách tiền tệ, tài khoá, tỷ giá, đầu tư...) để điều tiết vĩ mô, bình ổn thị trường, bình ổn nền kinh tế. Trong dài hạn, khi thể chế kinh tế thị trường đã phát triển, hoàn thiện thì vai trò này của TĐKTNN sẽ chấm dứt.

#### **4. Đổi mới quan điểm về hiệu quả và nâng cao hiệu quả hoạt động của tập đoàn kinh tế nhà nước**

##### ***4.1. Quan điểm về hiệu quả hoạt động của tập đoàn kinh tế nhà nước***

Hiệu quả nói chung, về bản chất, phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực để đạt mục tiêu đề ra. Đối với TĐKT, hiệu quả còn phản ánh trình độ phối hợp, liên kết giữa các DN và thể hiện chất lượng các hoạt động để thực hiện các mục tiêu của TĐKT, bảo đảm lợi ích các DN thành viên và các bên có liên quan. Hiệu quả thể hiện ở quan hệ so sánh giữa kết quả mục tiêu (kết quả cuối cùng) và chi phí bỏ ra để đạt kết quả mục tiêu.

Trong kinh tế thị trường, hiệu quả TĐKT cần được nhìn nhận, đánh giá chủ yếu từ quan điểm, từ góc nhìn của chủ sở hữu-nhà đầu tư. Nó thể hiện ở việc bảo đảm lợi ích của chủ sở hữu-nhà đầu tư. TĐKT có hiệu quả là phải đáp ứng tối đa

lợi ích và các quan tâm của chủ sở hữu với chi phí tối thiểu bỏ ra. Nghĩa là, đáp ứng lợi ích và các quan tâm của chủ sở hữu là căn cứ nền tảng để đánh giá về hiệu quả đối với TĐKT.

Có 2 loại lợi ích của chủ sở hữu. *Một là*, lợi ích trực tiếp và tối thượng đối với chủ sở hữu là hiệu quả kinh tế – tức là, đạt kết quả cuối cùng: lợi nhuận tối đa hoặc mức tỷ suất lợi nhuận trên chi phí tối đa. *Hai là*, nhìn trong dài hạn với tầm nhìn phát triển bền vững, thì lợi ích của chủ sở hữu (bên cạnh hiệu quả kinh tế) còn thể hiện ở việc TĐKT (i) đáp ứng lợi ích và sự quan tâm của nhà nước (với tư cách là quản lý hành chính công quyền) – tức là tuân thủ và thực thi đúng chính sách, pháp luật nhà nước và nhiệm vụ công ích, và (ii) đáp ứng lợi ích và sự quan tâm của khách hàng để nắm giữ và mở rộng thị phần cho TĐKT. Khi đó hiệu quả của TĐKT mới có tính bền vững, TĐKT mới đảm bảo phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, còn có cách nhìn khác về hiệu quả hoạt động của TĐKT, đó là hiệu quả nhìn từ góc độ nhà nước quản lý đối với nền kinh tế nói chung.

Hiệu quả của TĐKT từ góc nhìn quản lý nhà nước được hiểu với hàm nghĩa rộng hơn. Hiệu quả theo góc nhìn này không chỉ được hiểu là hiệu quả kinh tế thông thường, thể hiện ở việc đáp ứng lợi ích của chủ sở hữu nêu trên - một điều tối quan trọng đối với TĐKT trong kinh tế thị trường, mà còn tính đến việc đáp ứng lợi ích và sự quan tâm rộng mở hơn của nhà nước (ngoài lợi ích của chủ sở hữu, bất kể nhà nước hay tư nhân), đó là các lợi ích như: tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; liên kết, hỗ trợ DN nhỏ và vừa; tham gia thực hiện các định hướng chiến lược phát triển có liên quan của nhà nước; nâng cao sức cạnh tranh của ngành, của quốc gia, v.v. Để hướng tới hiệu quả theo cách nhìn này, TĐKT buộc phải phân tán nguồn lực cho thực hiện các mục tiêu khác (xã hội, chính trị, chính sách) ngoài mục tiêu thuần kinh tế, dẫn đến hiệu quả kinh tế của TĐKT đã thấp còn bị giảm tiếp.

Việc sử dụng phạm trù hiệu quả TĐKT từ góc nhìn quản lý nhà nước thường chỉ áp dụng cho TĐKTNN. Hạn chế của việc đánh giá hiệu quả TĐKT từ góc nhìn quản lý nhà nước là nó làm méo mó hiệu quả kinh tế thực của TĐKTNN. Đồng thời, nó cũng không khuyến khích tạo ra động lực kinh tế và sức ép buộc TĐKTNN phải tập trung vào việc nâng cao hiệu quả kinh tế thuần túy. Đánh giá hiệu quả hoạt động của TĐKT từ góc nhìn quản lý nhà nước cũng tạo ra cơ hội hay

“hầm trú ẩn” cho TĐKTNN biện hộ cho việc hiệu quả kinh doanh của TĐKT thường được đánh giá thấp.

#### ***4.2. Quan điểm về nâng cao hiệu quả hoạt động của tập đoàn kinh tế nhà nước***

Từ quan niệm, cách nhìn nhận về hiệu quả của TĐKT nêu ở phần trên có thể thấy rằng động lực, nỗ lực thúc đẩy TĐKTNN phát triển, có hiệu quả là ở việc nhìn nhận rõ lợi thế của TĐKT và sử dụng đúng lợi thế của TĐKT, hướng TĐKT vào đáp ứng lợi ích của chủ sở hữu nhà nước - nhà đầu tư vào TĐKTNN.

Vì vậy, để nâng cao hiệu quả hoạt động của TĐKTNN cần phải hướng TĐKTNN vào thực hiện 2 vai trò chính của mình là (i) khai thác các lợi thế của TĐKT gồm lợi thế kinh tế nhờ qui mô, nhờ đa dạng hoá, lợi thế độc quyền, lợi thế chuyển giá, và (ii) kinh doanh vì lợi nhuận, hướng vào mục tiêu kinh tế, đảm bảo lợi ích của chủ sở hữu và các bên có liên quan.

Để TĐKT thực hiện những vai trò này, như trên đã nêu, cần bảo đảm một số các điều kiện có tính nguyên tắc sau đây.

*Thứ nhất*, coi trọng và ưu tiên thiết lập, thực hiện 2 vai trò của TĐKT nhìn từ quan điểm của chủ sở hữu:

- Vai trò khai thác các lợi thế của nhóm các công ty (TĐKT) gồm lợi thế kinh tế nhờ qui mô, nhờ đa dạng hoá, lợi thế độc quyền, lợi thế chuyển giá là để thúc đẩy TĐKT phát huy lợi thế của tổ hợp các công ty.

- Vai trò kinh doanh vì lợi nhuận, hướng vào mục tiêu kinh tế là nhằm tạo điều kiện cho TĐKT tập trung vào mục tiêu kinh tế khi hoạt động trong nền kinh tế thị trường và hội nhập.

Đây là 2 vai trò cốt lõi, bản chất của TĐKT, tạo động lực cho TĐKT phát triển. Hai vai trò này cũng là cơ sở, nền tảng để các vai trò khác của TĐKT được triển khai, vận hành. Đây là tiền đề kinh tế để thực hiện các vai trò khác của TĐKT.

*Thứ hai*, tập trung các nỗ lực thúc đẩy cải thiện thể chế kinh tế thị trường, bao gồm đồng bộ các yếu tố như pháp luật, nền hành chính, thủ tục hành chính, bộ máy



hành pháp... Giải pháp này giúp hạn chế sử dụng TĐKTNN (cùng với DNNN) can thiệp vào thị trường do thị trường chưa phát triển, chưa hoàn thiện.

*Thứ ba*, minh bạch hoá, thể chế hoá việc sử dụng TĐKTNN làm công cụ hỗ trợ cùng với công cụ chính sách khác của nhà nước để khắc phục các thất bại của thị trường. Xác định rõ lộ trình giảm dần và chấm dứt việc sử dụng TĐKTNN làm công cụ hỗ trợ của nhà nước để khắc phục các thất bại của thị trường.

*Thứ tư*, bảo đảm tính kết nối và lô-gic giữa các vai trò của TĐKTNN. Cụ thể: Giảm bớt tiến tới chấm dứt vai trò của TĐKTNN là công cụ điều tiết chính sách của nhà nước là cơ sở để TĐKT tập trung vào vai trò kinh tế, kinh doanh vì lợi nhuận. Hướng vai trò của TĐKTNN vào thực hiện mục tiêu kinh tế, kinh doanh có lãi, có hiệu quả và bảo đảm lợi ích của chủ sở hữu là tạo cơ sở cho tăng trưởng, phát triển TĐKT và thực hiện vai trò từ quan điểm góc nhìn quản lý nhà nước. Nghĩa là, thực hiện vai trò khai thác các lợi thế của nhóm các công ty và vai trò kinh doanh vì lợi nhuận, hướng vào mục tiêu kinh tế là tạo cơ sở, tiền đề cho thúc đẩy thực hiện vai trò TĐKT là đầu tàu của nền kinh tế, thúc đẩy phát triển và tạo ra các ngành kinh tế chủ lực, nâng cao sức mạnh kinh tế quốc gia, điều chỉnh cơ cấu kinh tế, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất ở qui mô lớn và phạm vi rộng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp (2011), “Báo cáo về việc thí điểm hình thành các TĐKT nhà nước”, Hội nghị sơ kết mô hình TĐKT của Văn phòng Chính phủ.
2. Đảng cộng sản Việt Nam (1993), Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương khóa VII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng cộng sản Việt Nam (2002), Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2013), Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam 2013, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
9. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2014), “Báo cáo tình hình và kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp”, Tài liệu Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp năm 2014, Hà Nội ngày 28 tháng 4 năm 2014.